TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2024/QĐST-HNGĐ	*Quảng Điền, ngày 15 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 121/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Võ Thị T, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và anh, chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 06/08/2014. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh L, chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã, gây gỗ nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể khắc phục được nên anh L và chị T cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn L và và chị Võ Thị T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 08/4/2014; Nguyễn Khải A, sinh ngày 06/01/2020 và Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 21/3/2021. Nguyện vọng của cháu Đ muốn ở với mẹ nên khi ly hôn anh L và chị T

thỏa thuận giao cháu A cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao 02 cháu Đ và T1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, nhưng anh L và chị T thỏa thuận anh L chịu toàn bộ lệ phí ly hôn của cả hai người là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và anh đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000546 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên được khấu trừ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 05 tháng 01 năm 2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị T.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Khải A, sinh ngày 06/01/2020 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao 02 cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 08/4/2014 và Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 21/3/2021 cho chị Võ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn L và chị Võ Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, nhưng anh L và chị T thỏa thuận anh L chịu toàn bộ lệ phí ly hôn của cả hai người là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và anh đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*

đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000546 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên được khấu trừ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh T T Huế;*
- *VKSND huyện Quảng Điền;*
- *THADS huyện Quảng Điền;*
- *UBND xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền;*
(ĐKKH số 32 ngày 06/8/2014)
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Trương Quốc Công